TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 10 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Đạt

2. Ông Nguyễn Đắc Quýnh

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Trọng Bách - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mạc Thị T, sinh năm 1996;

HKTT: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

* Người làm chứng:

a. Bà Trần Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

b. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2019, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Mạc Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn Đ đăng ký kết hôn ngày 13/11/2017 tại Uỷ ban

nhân dân xã H, huyện N trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Đ ở thôn L, xã H, huyện N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ sống không tự lập và không quan tâm đến chị. Sau khi chị sinh con thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Anh Đ đưa chị và con về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn T, xã N, huyện N ở, nhưng rất ít khi liên lạc và sang thăm chị và con, cũng không có ý định đón chị về. Khoảng gần 03 tháng sau chị về bên bố mẹ đẻ thì anh Đ cắt Amidan, chị đã tự đưa con về nhà chồng mục đích để chăm sóc anh Đ, nhưng anh Đ vẫn tỏ thái độ thờ ơ, không quan tâm đến chị và con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng về vấn đề kinh tế và ứng xử trong gia đình, dẫn tới không nói chuyện được với nhau. Tháng 12/2018 chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở hẳn. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể về chung sống với nhau được nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 02/9/2018 hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Lý do, chị xin nuôi con vì cháu M còn nhỏ. Từ bé đến nay cháu M do chị nuôi dưỡng. Hiện tại chị làm ở Phòng kỹ thuật, công ty TNHH may mặc quốc tế P. Mức thu nhập bình quân khoảng 7,5 triệu đồng/tháng. Chị và con chị đang ở nhà bố mẹ đẻ. Nhà 02 tầng, rộng rãi; bố mẹ chị cũng tạo điều kiện cho chị và con được ở cùng và hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con nếu chị được nuôi cháu. Chị hoàn toàn có đủ khả năng để chăm sóc tốt cho con. Còn anh Đ không quan tâm, chăm sóc gì đến con. Hiện tại cũng chưa có việc làm và sống phụ thuộc vào bố mẹ nên không đủ khả năng để nuôi dưỡng con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu anh Đ cung cấp cho Tòa án, anh Nguyễn Tuấn Đ trình bày thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày. Anh Đ cũng thừa nhận sau khi chị T sinh con, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng liên quan đến vấn đề kinh tế và cách ứng xử trong gia đình. Sau khi chị T sinh con lại đưa con về nhà đẻ sống, sau đó không chịu về nhà. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc M,

sinh ngày 02/9/2018. Hiện con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Những người làm chứng: Bà Trần Thị T - là mẹ đẻ chị T, ông Nguyễn Văn M - là bố đẻ anh Đ trình bày xác nhận vợ chồng chị T, anh Đ có mâu thuẫn, bất đồng và đã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay như nội dung chị T, anh Đ trình bày. Gia đình hai bên đã động viên hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị T xin ly hôn, quan điểm của hai gia đình là không mong muốn việc này xảy ra, nhưng nếu chị T, anh Đ cứ cương quyết thì đó là quyền của anh chị ấy. Về con chung: Bà T xác định nếu vợ chồng chị T, anh Đ ly hôn thì giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng sẽ thuận lợi và tốt cho cháu hơn và gia đình bà cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi để chị T nuôi dưỡng tốt cháu M. Ông M không muốn chị T và anh Đ ly hôn nên không có ý kiến về vấn đề nuôi con của chị T, anh Đ.

Tại phiên toà: Chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Đ và đề nghị tiếp tục nuôi con. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con với chị.

Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn Đ. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 02/9/2018 cho chị Mạc Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh Nguyễn Tuấn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương

sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tuấn Đ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn với nhau ngày 13/11/2017 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện N. Do vậy, hôn nhân của chị T và anh Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình cách không hợp, bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế và cách ứng xử trong gia đình dẫn tới thường xuyên bất đồng, không nói chuyện được với nhau. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ tháng 12/2018 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị T, anh Đ không sống chung; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Chị Mạc Thị T và anh Nguyễn Tuấn Đ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 02/9/2018. Hiện tại con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cả chị T và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu M còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Chị T cũng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Thực tế, chị T vẫn nuôi dưỡng tốt đối với cháu M từ nhỏ đến nay. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung Nguyễn Ngọc M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu M. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 02/9/2018 cho chị Mạc Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh Nguyễn Tuấn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Mạc Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0008354, ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Kim Giang

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.